

The “consultation” and “petition” activities on education of the House of People's Representatives of Tonkin in the years 1926 - 1939

ABSTRACT

From 1926 to 1939, based on its functions and responsibilities, the House of People's Representatives of Tonkin conducted “consultation” and “petition” activities quite regularly and continuously in the field of education. These activities were closely associated with their annual sessions and the demands of social life in the Tonkin region. Based on various sources, especially archival documents, this article clarifies the “consultation” and “petition” activities on education conducted by the House of People's Representatives of Tonkin. On this basis, it identifies their objectives, provides an objective assessment of their outcomes, and evaluates their impact on social life-primarily on the public’s demand for access to education in the Tonkin region between 1926 and 1939.

Keywords: the House of People's Representatives, Tonkin, “consultation” and “petition” activities, education.

Hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc kỳ trong những năm 1926 - 1939

TÓM TẮT

Những năm 1926 - 1939, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện Dân biểu Bắc Kỳ tiến hành hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” khá liên tục và đều đặn trên lĩnh vực giáo dục. Hoạt động này gắn chặt với các kỳ họp thường niên và những đòi hỏi từ đời sống xã hội khu vực Bắc Kỳ. Dựa trên những nguồn tài liệu khác nhau, nhất là tài liệu lưu trữ, bài viết làm rõ hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ. Trên cơ sở đó, nhận diện mục đích, đánh giá khách quan kết quả và tác động của hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” này đối với đời sống xã hội, mà trước hết là nhu cầu “được đi học” của người dân ở khu vực Bắc Kỳ trong những năm 1926 - 1939.

Từ khóa: Viện Dân biểu, Bắc Kỳ, hoạt động “tham vấn” và “thỉnh nguyện”, giáo dục.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm 1926 - 1939, Viện Dân biểu Bắc Kỳ đã tích cực thực hiện nhiệm vụ “tham vấn” và “thỉnh nguyện” trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Có thể thấy, hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ diễn ra khá liên tục và đều đặn, gắn chặt với các kỳ họp thường niên và những đòi hỏi từ đời sống xã hội khu vực Bắc Kỳ. Tuy hoạt động này của Viện còn những hạn chế nhất định, nhưng đã phần nào phản ánh nguyện vọng về giáo dục của người dân Bắc Kỳ và buộc chính quyền thuộc địa phải xem xét, giải quyết một phần những nguyện vọng chính đáng đó của người dân. Nhờ đó, những quyền lợi cơ bản nhất của người dân về giáo dục, nhất là quyền lợi được đến trường học tập đã phần nào được đáp ứng, dù chỉ giới hạn trong phạm vi rất hẹp.

Cho đến nay, có rất ít công trình nghiên cứu về Viện Dân biểu Bắc Kỳ. Tác giả Dương Kinh Quốc¹ với công trình nghiên cứu sâu về chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945, cũng chỉ trình bày sơ lược sự ra đời, chức năng, nhiệm vụ của Viện Dân biểu Bắc Kỳ; những tầng lớp người có “đủ điều kiện” được làm cử tri và tham gia vào tổ chức này. Tác giả Đinh Xuân Lâm² khi trình bày về chính sách chính trị của thực dân Pháp, có đề cập đến sự ra đời Viện Dân biểu Bắc Kỳ. Còn tác giả Tạ Thị Thúy³ trong khi phân tích chính sách thuộc địa và cải cách bộ máy chính quyền của thực Pháp đã nêu những cái tổ trong tổ chức và hoạt động của Viện Dân biểu Bắc Kỳ.

Có thể thấy, các công trình nêu trên chỉ mới dừng lại ở việc giới thiệu về sự ra đời và

chức năng, nhiệm vụ của Viện Dân biểu Bắc Kỳ. Hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” nói chung và hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ nói riêng chưa được tìm hiểu. Điều này dẫn đến sự hiểu biết, nhận thức về hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” của Viện Dân biểu Bắc Kỳ còn hạn chế. Đó cũng là nguyên nhân của những khó khăn trong việc đánh giá đúng đắn, khách quan bản chất, vai trò của tổ chức dân biểu này dưới thời Pháp thuộc.

Trên cơ sở thành quả nghiên cứu bước đầu của các tác giả đi trước và khai thác hệ thống biên bản các kỳ họp thường niên, các bản thỉnh nguyện được lưu trữ lại, bài viết sẽ làm rõ mức độ quan tâm, nội dung của hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ; trên cơ sở đó bước đầu rút ra một số nhận xét về hoạt động này, đồng thời cung cấp thêm cơ sở khoa học để đi đến đánh giá, nhận thức khách quan về bản chất, vai trò của tổ chức dân cử này trong tiến trình lịch sử.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ trong những năm 1926 - 1939

Với mục đích thống trị lâu dài, đồng hóa người Việt và đào tạo lực lượng bổ sung cho bộ máy chính quyền thuộc địa, thực dân Pháp thành lập hệ thống **Trường** Pháp - Việt trên lãnh thổ Bắc Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung. Hệ thống trường học mới này dần được củng cố và tổ chức chặt chẽ hơn thông qua những lần cải cách giáo dục của người Pháp. Song, đến những năm 20 của thế kỷ XX, nền giáo dục Pháp - Việt tỏ ra

vẫn tồn tại những bất cập, nhất là đứng ở góc độ người tiếp nhận nền giáo dục này. Đó là nguyên nhân mà trong các kỳ họp thường niên, Viện Dân biểu Bắc Kỳ luôn có những “tham vấn”, “thỉnh nguyện” liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Thống kê cho thấy, trong những năm 1926-1939, ngoài việc cho ý kiến (tham vấn) đối với những vấn đề liên quan đến giáo dục nằm trong chương trình nghị sự của các phiên họp thường niên, Viện Dân biểu Bắc Kỳ đã gửi hơn 100 đơn thỉnh nguyện liên quan đến vấn đề giáo dục gửi lên chính quyền thuộc địa, trong đó năm nhiều nhất có đến 26 đơn.

Nhằm đảm bảo hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục có hiệu quả, trong các kỳ họp thường niên, Viện Dân biểu Bắc Kỳ thành lập Tiểu ban học chính có từ 14 đến 20 thành viên, do một viên trưởng ban đứng đầu, chuyên trách việc xem xét, cho ý kiến và đề xuất với chính quyền thuộc địa những vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục trên toàn xứ Bắc Kỳ.

Hoạt động “tham vấn” và “thỉnh nguyện” về vấn đề giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ chủ yếu hướng vào việc chỉ rõ những tồn tại, bất cập của nền giáo dục Pháp - Việt, đề xuất với nhà cầm quyền thực hiện các chính sách nhằm phát triển toàn diện nền giáo dục của xứ Bắc Kỳ, như mở rộng quy mô giáo dục, nhất là giáo dục trình độ cao nhằm đáp ứng nhu cầu học lên của người dân, mở trường đào tạo nghề, vấn đề học phí và đầu tư cho giáo dục, đề xuất Chính quyền Bảo hộ giao lại vai trò quản lý hệ thống giáo dục cho chính quyền Nam triều... Trong đó, nội dung được Viện quan tâm nhất là mở rộng hệ thống giáo dục, nhất là cấp tiểu học để đảm bảo cho mọi người dân đều được đến trường học tập, chống nạn thất học trong xứ.

2.2. Nội dung hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ trong những năm 1926 - 1939

Tiếp tục chủ trương phát triển giáo dục theo chiều ngang từ thời Toàn quyền M.Merlin, Toàn quyền A.Varenne và P.Pasquier khi tiến hành cải cách giáo dục đều chủ trương mở rộng **cấp Tiểu học**, nhất là bậc Sơ đẳng tiểu học. Theo đó, những năm 1926 - 1927 Toàn quyền A.Varenne ký nghị định thành lập hệ thống trường mới, gọi là “trường phổ cập giáo dục” (thường gọi là trường hương học hay sơ học hương trường) và trường thuộc hệ dự bị; đến năm 1931, Toàn quyền P.Pasquier chủ trương mở rộng hơn nữa bậc Sơ đẳng tiểu học bằng việc đẩy mạnh việc lập các trường hương học. Chính sách mới này khiến cho tổng số trường **cấp tiểu học**, nhất là các trường bậc Sơ đẳng tiểu học ở Bắc Kỳ tăng

lên đáng kể. Dầu vậy, cho đến năm 1939, số trường công không tăng kịp so với số dân, cho nên số lượng học sinh tiểu học tăng chậm, số trẻ em đến tuổi đi học được đến trường vẫn rất thấp. Theo thống kê, “vào các năm 1936 - 1937, cứ hơn 3 làng với diện tích bình quân 52km² và dân số bình quân gần 3.000 người mới có một trường Sơ học (3 năm), với số học sinh bình quân là 60 người, tức là cứ 100 người dân mới có 2 học sinh sơ học (2%). Trong khi đây là bậc học phát triển nhất ở Bắc Kỳ thời Pháp thuộc. Đối với **bậc** Tiểu học (3 năm) thì bình quân tới 34 làng với diện tích 514km² và dân số bình quân gần 30.000 người mới có một trường, số học sinh bình quân là 115 người, tức là cứ 100 người dân mới có 0,4 học sinh tiểu học (0,4%)”.⁴

Thực trạng đó theo Viện Dân biểu Bắc Kỳ là do thiếu trường lớp. “Bây giờ ở Bắc Kỳ có biết bao nhiêu là trẻ con không có chỗ học, vì không đủ nhà trường. Chúng tôi vẫn biết rằng Chính phủ đã hết sức lập trường, luyện thầy mà vẫn thiếu chỗ học, do là tại nhiều lẽ, phần thì tại dân số ngày một nhiều, phần thì tại ai cũng muốn học trường công vì thầy dạy tốt”.^{5, tr.24} Do đó, trong các kỳ họp thường niên, Viện tiếp tục “tham vấn”, “thỉnh nguyện” chính quyền thuộc địa tiếp tục mở rộng **cấp Tiểu học**, nhất là bậc Sơ học để đảm bảo cho mọi trẻ em đều được đến trường học tập, chống nạn thất học trong xứ.

Bên cạnh nguyên nhân thiếu trường, Viện còn chỉ ra nguyên nhân khác dẫn tới số lượng trẻ đến trường còn thấp là do những bất cập của các quy định về thủ tục khai sinh và giới hạn độ tuổi đi học. Theo phản ánh của một số nghị viên, do những quy định về thủ tục khai sinh cho con còn gặp nhiều khó khăn, quan binh nhiều nơi những nhiều, phí làm thủ tục cao (người xin giấy khai sinh phải nộp 5 đồng) nên nhiều trẻ em đến độ tuổi đi học theo quy định vẫn chưa được đi học. Cụ thể, nghị viên tỉnh Nam Định đưa ra dẫn chứng: “tỉnh ấy có hơn 300 đứa trẻ, vì không có khai sinh mà không vào học các trường công được. Trong khi ấy thì các lớp sơ đẳng các trường công số học sinh ít quá, Nhà nước phải bãi đi nhiều lớp thừa chỗ mà không có học trò đủ tư cách vào học”.^{6, tr.100} Trong khi đó, Nghị định sửa đổi một số điều trong Bộ Học chính Tổng quy của Toàn quyền P.Pasquier ngày 17/6/1933 quy định học sinh nam quá 12 tuổi, nữ quá 13 tuổi không được vào trường Sơ đẳng tiểu học yếu lược; học sinh nam quá 15 tuổi, nữ quá 16 tuổi sẽ không được vào **bậc Tiểu học** càng hạn chế số lượng trẻ em đến trường. Bởi vì, theo các nghị viên, ở Bắc Kỳ không phải gia đình nào cũng có điều kiện cho con đi học theo

đúng độ tuổi quy định, dẫn tới cảnh nhiều trẻ em ở khu vực này không có điều kiện đến trường, phải chịu phận mù chữ suốt đời. Do đó, trong bản thỉnh nguyện của mình, Viện mong muốn chính quyền xem xét cho trẻ em ở Bắc Kỳ được tham gia học tập sớm hơn, 6 tuổi bắt đầu học lớp đồng ấu và nâng độ tuổi đến trường ở tất cả các cấp, bậc học để tăng cơ hội đến trường học tập cho trẻ em toàn xứ. Cùng với đó, Viện “thỉnh nguyện” bãi bỏ quy định cần phải có giấy chứng nhận đã học đủ 3 lớp **bậc Sơ học** mới được dự thi lấy bằng tiểu học Pháp - Việt, nhằm tạo điều kiện cho trẻ em ở một số địa phương do không đủ trường học, phải tự học ở nhà, học trường làng không có chứng thực vẫn được dự thi. Đây là những “thỉnh nguyện” có tính tiên bộ, vì quyền lợi được học tập của người dân, nhưng tiếc rằng chỉ được chính quyền thuộc địa chấp thuận một phần, đó là đồng ý cho trẻ em 6 tuổi bắt đầu học lớp đồng ấu kể từ năm 1933.

Một nghịch lý dễ nhận thấy khi triển khai nền giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ là nếu như **cấp tiểu học** mà trước hết là **bậc sơ học** được mở rộng bao nhiêu, thì ở những bậc học cao hơn (cao đẳng tiểu học, trung học) lại bị hạn chế tới đa, với số lượng trường rất ít. Hiện tượng này được Viện Dân biểu Bắc Kỳ phản ánh thường xuyên, nhất là trong phiên họp xét các khoản chi cho học chính. Ngay trong kì họp năm 1927, từ những con số thực tế, các nghị viên đã nhìn nhận thấy sự mất cân đối về số trường giữa **bậc Trung học với bậc Sơ đẳng tiểu học**: “Số trường **bậc trung học** ở Bắc Kỳ so với các trường sơ đẳng thật là một số ít lắm. Trong 26 tỉnh chỉ có 3 trường trung đẳng ở Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng và hai ban sư phạm là nam sư phạm và nữ sư phạm. Số học trò lấy vào hàng năm trong các trường ấy độ 400 học trò con trai và 50 học trò con gái, mà những trường sơ đẳng rải rác ở các tỉnh gấp ba bốn lần”^{7, tr.141} Đứng trước thực trạng đó, trong hai kỳ họp thường niên năm 1927 và 1928 khi bàn đến vấn đề giáo dục, Viện đều “tham vấn”, “thỉnh nguyện” mở rộng hệ thống trường lớp đào tạo bậc Cao đẳng tiểu học và bậc Trung học, mở rộng đối tượng người Việt được học tại Trường Albert Sarraut, đồng thời mở thêm các trường kỹ nghệ dạy nghề cho đối tượng học sinh có bằng sơ học không đỗ vào các trường Cao đẳng tiểu học.

Đến năm 1931, Tiểu ban Giáo dục của Viện tiếp tục dẫn ra những số liệu minh chứng cho sự hạn chế trên của nền giáo dục Bắc Kỳ. “Nay số học trò thi đỗ mỗi năm về bằng tiểu học Pháp - Việt là 4218, trong số đó được 433 người vào năm thứ nhất các trường cao đẳng tiểu học và 476 người vào các trường công nghệ, thành

ra chỉ được có một phần năm là có chỗ học mà thôi”^{8, tr.61} Vì thế, lần này Viện “tham vấn”, “thỉnh nguyện” chính quyền tăng số lượng trường bậc Sơ học và bậc Tiểu học bằng cách nói rộng quyền và khuyến khích người dân mở trường tư thực, để giành ngân sách tập trung cho việc mở thêm trường Cao đẳng tiểu học ở Hà Nội, Bắc Ninh, Việt Trì và trường kỹ nghệ ở các tỉnh thành nhằm đáp ứng nhu cầu được học lên người dân Bắc Kỳ.

Trước những “thỉnh nguyện” liên tục của Viện, chính quyền thuộc địa cũng cho mở thêm một số trường, lớp **bậc Cao đẳng tiểu học** ở các tỉnh Thái Bình, Bắc Ninh, Lạng Sơn... Tính đến năm 1932, trên toàn xứ Bắc Kỳ có 8 trường Cao đẳng tiểu học, mỗi trường đều có đủ bốn lớp hoàn bị.^{9, tr.148} Còn đối với bậc Trung học, năm 1937 chính quyền thuộc địa chỉ cho mở thêm hai lớp toán học và lớp triết học thuộc ban Trung học Pháp tại Trường Trung học Bảo hộ (Trường Bưởi); từ chối mở rộng đối tượng để học sinh người Việt được vào học tại Trường Albert Sarraut. Do đó, cho đến năm 1939 số trường bậc Cao đẳng tiểu học dù có tăng thêm nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu thực tế của người dân và cả 29 tỉnh thuộc xứ Bắc Kỳ cũng chỉ có duy nhất một trường công bậc Trung học ở Hà Nội. Và lý do được Thống sứ Bắc Kỳ đưa ra là “mở thêm các trường Cao đẳng tiểu học hay trường Thành chung chỉ làm đông thêm số người có văn bằng mà không có việc làm”^{10, tr.53} Đó cũng là lí do vì sao từ sau năm 1930, số lượng học sinh tốt nghiệp bậc Tiểu học Pháp - Việt ở Bắc Kỳ tăng khá nhanh, nhưng số lượng học sinh chuyển lên học bậc Cao đẳng tiểu học và bậc Trung học vẫn không tăng bao nhiêu.

Đối với giáo dục nghề nghiệp (giáo dục thực nghiệp), cho đến năm 1926, ở Bắc Kỳ chỉ có hai trường kỹ nghệ ở Hà Nội và Hải Phòng, trong khi số lượng học sinh có xu hướng giảm. Nếu như năm 1926, Trường Kỹ nghệ Hà Nội có 354 học sinh, Trường Kỹ nghệ Hải Phòng có 162 học sinh, thì đến năm 1932 số này giảm xuống còn 45 học sinh và 50 học sinh.^{9, tr.151} Điều này cho thấy giáo dục nghề nghiệp ở Bắc Kỳ có số lượng trường ít và có xu hướng giảm quy mô đào tạo. Vì thế, Viện đã nhiều lần “tham vấn”, “thỉnh nguyện” nhà cầm quyền quan tâm đến phát triển giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể là lập thêm trường dạy nghề ở các tỉnh Lào Cai, Ninh Bình, Hưng Yên..., và tham vọng hơn là mỗi tỉnh lập một trường Kỹ nghệ. Tuy nhiên, chính quyền thuộc địa chỉ dừng lại ở việc tăng 10 - 15% số học sinh trường nghề, đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị, mở thêm hai ban dạy điện học, máy tự động và xây dựng một khu

học xá cho 80 học sinh thuộc Trường Kỹ nghệ thực hành ở Hà Nội và Hải Phòng vào năm 1936. Đồng thời, thực dân Pháp cho mở một số trường tiểu thủ công ở các tỉnh Hà Giang, Bắc Cạn, Quảng Yên, Phú Lý (Nam Định) và Phúc Xá (Hà Nội) theo hình thức mở lớp luân phiên tại các làng dạy nghề thủ công truyền thống.^{11, tr.34}

Vấn đề học phí cũng được Viện quan tâm. Viện thường xuyên “thăm vấn”, “thỉnh nguyện” chính quyền duy trì ổn định mức học phí và giảm học phí để trẻ em được rộng quyền tham gia học tập. Theo các nghị viên, mức học phí bậc Cao đẳng tiểu học và bậc Trung học 6 đồng/tháng còn cao so với điều kiện kinh tế người dân Bắc Kỳ, và đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến nhiều học sinh không thể theo học được. “Thỉnh nguyện” này của Viện đã được chính quyền thuộc địa chấp thuận vào năm 1934 và sẽ áp dụng từ năm học 1936 - 1937.

Về ngân sách đầu tư cho giáo dục, trong các phiên họp xét dự trù ngân sách, Viện đã phân tích những bất cập trong hoạt động lập dự toán; phản ánh và chất vấn trực tiếp đối với chính quyền thuộc địa mà trực tiếp là viên Chánh Sở học chính Bắc Kỳ tình trạng sử dụng ngân sách chưa hiệu quả, lãng phí. Ví như, trong các kỳ họp thường niên từ năm 1932 đến năm 1936, Tiểu ban học chính của Viện liên tục chất vấn chính quyền việc Trường Trung học Bảo hộ mỗi năm bỏ ra số tiền từ 1.825 đồng đến 2.122 đồng, “gần bằng lương của một vị giáo sư, thạc sĩ Đông Dương hạng tư”^{12, tr.110} để thuê một nữ viên chức người Pháp trông coi việc giặt quần áo. Đặc biệt, từ năm 1927 trở đi, thực hiện phương châm “xã hội hóa giáo dục”, đi kèm với chủ trương mở rộng hương trường, chính quyền thuộc địa buộc các làng xã phải tự chủ kinh phí, đúng như quan điểm của Thống sứ Bắc Kỳ: “Hỗ hào các xã thôn ra công góp sức vào việc giáo dục hơn nữa để cho việc giáo dục về bậc Tiểu học truyền bá rộng ra”.¹³ Chính sách này, theo phản ánh của các nghị viên đã khiến cho nhiều làng không đủ kinh phí để mở trường, thuê thầy giáo, rơi vào tình trạng thiếu trường, phải mượn chùa làm nơi dạy học, số học sinh mỗi lớp quá tải, chất lượng dạy học còn thấp... Minh chứng cho thực trạng này, Viện lấy trường hợp ở tỉnh Phú Thọ: “hiện nay có hơn 500 học trò con trai, thế mà trường học thì ở vào cái nhà trại lính khổ sanh cũ (chật và không có sân), cùng với sáu cái đình và chùa của dân tối tăm lắm”.^{5, tr.184} Từ đó, Viện đề xuất với chính quyền thuộc địa xem xét hỗ trợ kinh phí cho các làng xã xây thêm trường để mở rộng việc học chốn hương thôn.

Về trang thiết bị dạy học, trong những năm 1926 - 1939, Viện Dân biểu Bắc Kỳ quan tâm nhất vấn đề sách giáo khoa. Tại một số kỳ họp thường niên, Viện phản ánh tình trạng học sinh thiếu sách giáo khoa, giá sách của nhà nước bán ra thấp nhưng dân phải mua với giá đắt, gây khó khăn cho người dân, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, trong kỳ họp năm 1939, Viện phản ánh tại một số địa phương, nhà chức trách bắt buộc dân phải dùng một loại sách riêng và bán với giá rất đắt, trong khi đó có thể dùng các loại sách khác tương tự nhưng giá rẻ hơn. Để khắc phục thực trạng này, Viện “thỉnh nguyện” chính quyền thuộc địa triển khai biên soạn sách giáo khoa theo chương trình chung và giao các địa phương quyền lựa chọn sách giáo khoa.^{11, tr.99}

Đối với đội ngũ giáo viên, Viện Dân biểu Bắc Kỳ quan tâm trước hết đến tình trạng thiếu giáo viên của các tỉnh, nhất là đối với các tỉnh thượng du Bắc Kỳ. Theo như phân tích của Viện, nguyên nhân thiếu giáo viên là do các quy định về tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề đối với giáo viên. Vì thế, năm 1925 đề hạn chế trí thức nho học vốn đang là lực lượng giáo viên chính của hương trường, chính quyền thuộc địa ban hành nghị định cấm những viên chức nhà nước bị kỷ luật, bãi chức không được mở trường hoặc dạy học. Khi nghị định ban hành, nghị viên Bùi Huy Tín “thỉnh nguyện” chính quyền xem xét bãi bỏ nghị định này nhằm mở rộng đối tượng tuyển dụng giáo viên cho các trường tư.^{7, tr.154} Tiếp đó, năm 1926 chính quyền thuộc địa ban hành nghị định quy định điều kiện tối thiểu đối với giáo viên phải đủ 18 tuổi trở lên và hoặc có bằng Sơ học yếu lược, hoặc bằng Khóa sinh hay bằng Tổng sư, hoặc đồ nhất, nhị trường hay đồ Tú tài, Cử nhân, Phó bảng, Tiến sĩ. Các nghị viên “thỉnh nguyện” chính quyền cần có chính sách đặc thù, tạm hoãn thi hành nghị định hoặc hạ tiêu chuẩn đối với giáo viên ở khu vực miền núi. Tiếc rằng, những “thăm vấn”, “thỉnh nguyện” này của Viện đều không được chính quyền thuộc địa đồng ý.

Riêng với vấn đề quản lý, từ năm 1933, khi thực dân Pháp đã trao quyền quản lý bậc sơ học ở Trung Kỳ, Bắc Kỳ cho Nam triều và Bộ Quốc dân Giáo dục của Nam triều được thành lập, Viện “thăm vấn” xóa bỏ 6 viên thanh tra người Pháp với lý do là “thừa” và tốn chi phí lớn, đồng thời “thỉnh nguyện” đặt ra chức quan học chính người Việt Nam để thay thế.

2.3. Nhận xét hoạt động “thăm vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc

Kỳ trong những năm 1926 - 1939

Trong quá trình tiến hành hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện”, Viện Dân biểu Bắc Kỳ tỏ ra rất quan tâm đến lĩnh vực giáo dục, đồng thời hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục diễn ra khá sôi nổi, với nhiều nội dung được nêu ra bàn luận. Điều này bắt nguồn từ những lí do khác nhau. Trước hết, đây là lĩnh vực mà chính quyền thuộc địa không cấm đoán, thậm chí còn cho phép Viện rộng đường “tham vấn”, “thỉnh nguyện”. Bởi mục đích sâu xa của chính quyền thuộc địa là thông qua hoạt động này, thăm dò phản ứng của người dân đối với chính sách thống trị của mình, để từ đó có những điều chỉnh kịp thời, đảm bảo sự yên ổn về chính trị và duy trì sự cai trị lâu dài. Còn về phía Viện Dân biểu Bắc Kỳ, đây được xem là hình thức và con đường duy nhất để đưa tiếng nói, nguyện vọng của người dân, của các nghị viên đến với chính quyền thuộc địa. Do đó, song hành với hoạt động “tham vấn”, hoạt động “thỉnh nguyện” cũng diễn ra liên tục, đều đặn, hướng chủ yếu vào đề xuất chính sách, đòi giải quyết các quyền lợi về giáo dục - một trong những quyền lợi dân chủ tối thiểu, thiết thực, gắn chặt với đời sống xã hội của người dân. Những “tham vấn”, “thỉnh nguyện” của Viện cũng đã ít nhiều phê phán những bất cập trong hệ thống giáo dục, như tình trạng thiếu giáo viên, cơ sở vật chất nghèo nàn, chương trình học lạc hậu và đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, như tăng cường đào tạo giáo viên, cải tiến chương trình học, chú trọng giáo dục thực hành. Thậm chí, trong các phiên họp toàn thể, một số nghị viên phát biểu, tranh luận sôi nổi nhằm đòi quyền lợi giáo dục cho người dân. Tuy không dẫn đến hiện tượng “xung đột nghị trường”, nhưng ít nhiều hành động đó đã xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của người dân, nói lên tiếng nói của người dân Bắc Kỳ; đồng thời tạo ra diễn đàn hợp pháp để các nhà giáo dục, trí thức và người dân có thể thảo luận, trao đổi về các vấn đề giáo dục, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của giáo dục và thúc đẩy những thay đổi tích cực trong lĩnh vực này dưới chế độ thực dân phong kiến.

Trên thực tế, những “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục mà Viện thay mặt toàn thể người dân mình đại diện gửi lên chính quyền thuộc địa phần nào được xem xét thực hiện, dù còn rất hạn chế. Hệ thống trường học được mở rộng đến nhiều địa phương, vùng miền, nhất là đối với cấp Tiểu học; giảm tải các môn học không cần thiết và tăng ngân sách giáo dục cho toàn xứ, giảm học phí cho học sinh. Kết quả này góp phần thúc đẩy việc mở rộng hệ thống giáo

dục, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện cho một bộ phận nhỏ người dân tiếp cận với giáo dục phổ thông.

Nội dung và kết quả của hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ trong những năm 1926 - 1939 cho thấy những hoạt động của tổ chức dân cử này không phải chỉ là hữu danh vô thực và không có vai trò gì như nhận định từ trước đến nay. Ngược lại, ở phương diện giáo dục, trong từng thời điểm lịch sử cụ thể, dù rất hạn chế, hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” của Viện cũng mang lại lợi ích thiết thực cho người dân Bắc Kỳ. Hơn nữa, dù phần lớn những gì Viện “thỉnh nguyện” không thể hiện thực hóa hết được, nhưng nếu không áp dụng tiêu chí thành công hay thất bại dựa trên mức độ thực thi các bản thỉnh nguyện để đánh giá, thì phải thừa nhận rằng không ít trong số những ý kiến đó có tính tiên bộ, đậm tính dân chủ.

Dẫu vậy, cần thấy rõ là những kết quả nêu trên không phải xuất phát từ chính ý thức chủ quan của chính quyền thuộc địa và của riêng tổ chức dân biểu này. Đồng thời, nó không làm thay đổi bản chất của Viện Dân biểu Bắc Kỳ là một thiết chế bù nhìn, một tổ chức “chân rết” do người Pháp lập nên trong hệ thống chính quyền thuộc địa ở Bắc Kỳ nhằm phục vụ cho chính sách thống trị và bóc lột Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục vốn là nhiệm vụ hợp hiến của Viện Dân biểu Bắc Kỳ. Thế nhưng, trước tác động của bối cảnh lịch sử thời kỳ 1926 - 1939, đồng thời để mị dân bằng một số cải cách trên các lĩnh vực này có tính nhỏ giọt và nhằm tô vẽ cho chính sách “Pháp - Việt đề huề”, hoạt động này của Viện Dân biểu Bắc Kỳ diễn ra khá sôi nổi và đạt thành quả nhất định. Điều này được phản ánh khá rõ qua biên bản các kỳ họp thường niên của Viện và số lượng các bản “thỉnh nguyện” mà cá nhân nghị viên cũng như tập thể Viện gửi tới chính quyền. Và tuy thời lượng bàn luận dành cho các vấn đề giáo dục trong một kỳ họp thường niên của Viện Dân biểu Bắc Kỳ là không nhiều, nhưng nghị viên đã tập trung phản ánh những vấn đề bức xúc trong lĩnh vực này.

Cần phải thừa nhận một điều là tính hiệu quả của hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” nói chung và hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” của Viện Dân biểu Bắc Kỳ về các giáo dục chưa cao. Đa phần các bản “thỉnh nguyện” của Viện vẫn nằm trên giấy tờ, ít được chính quyền thực dân quan tâm nghiên cứu và thực thi.

Có chăng đó là sự chấp nhận mang tính nhỏ giọt, đôi phỏ, ít căn bản. Dầu vậy, trên thực tế một số “thỉnh nguyện” đã được chính quyền chấp nhận, thực thi hoặc toàn phần hoặc một phần. Dù thái độ và cách thức giải quyết các “thỉnh nguyện” này của chính quyền có như thế nào, thì ít nhiều cũng phản ánh hoạt động “tham vấn”, “thỉnh nguyện” về giáo dục của Viện Dân biểu Bắc Kỳ không chỉ hữu danh vô thực. Kết quả mà nó mang lại là một số quyền lợi dân chủ thiết thực cho người dân. Tuy chưa có hoạt động đấu tranh hoặc vượt qua ranh giới chống lại chính quyền thực dân, nhưng Viện đã đưa ra những “tham vấn”, “thỉnh nguyện” phản ánh những bức xúc về giáo dục trong đời sống xã hội Bắc Kỳ và kiên trì lặp lại nhiều năm đòi hỏi nhà cầm quyền phải giải quyết. Những quyền lợi này dù ít và chưa có tính toàn dân, nhưng có ý nghĩa tích cực đối với người dân Bắc Kỳ vốn đang rên xiết dưới ách thống trị của chế độ thực dân.

Tuy nhiên, cần thấy rõ một điều là những đóng góp về vấn đề giáo dục nêu trên của Viện Dân biểu Bắc Kỳ không nằm ngoài chính sách đô hộ của người Pháp ở Bắc Kỳ, việc thực thi một phần các “tham vấn”, “thỉnh nguyện” của Viện Dân biểu Bắc Kỳ chỉ làm cho những chính sách của thực dân Pháp càng thích ứng với xã hội Bắc Kỳ. Nó không làm thay đổi bản chất của Viện Dân biểu Bắc Kỳ. Hệ quả tích cực từ hoạt động của Viện hoàn toàn ngoài ý muốn của thực dân Pháp. Chính quyền thực dân đã nhận thức được nó và có những chính sách ngăn chặn từ xa bằng hệ các quy định về nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và những việc mà Viện Dân biểu Bắc Kỳ được phép “tham vấn” và “thỉnh nguyện”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Kinh Quốc. *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.
2. Đinh Xuân Lâm (cb). *Lịch sử Việt Nam*, Tập III, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

3. Tạ Thị Thúy (cb). *Lịch sử Việt Nam*, Tập 8, 9, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017.
4. Nguyễn Trọng Hoàng. Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 96, **1967**, 13-25.
5. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1928*, Résidence Supérieure Au Tonkin, Hà Nội, 1929.
6. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1934*, Résidence Supérieure au Tonkin, Hà Nội, 1935.
7. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1927*, Résidence Supérieure Au Tonkin, Hà Nội, 1927.
8. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1931*, Résidence Supérieure Au Tonkin, Hà Nội, 1932.
9. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1932*, Résidence Supérieure Au Tonkin, Hà Nội, 1933.
10. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1938*, Résidence Supérieure Au Tonkin, Hà Nội, 1939.
11. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1939*, Résidence Supérieure Au Tonkin. Hà Nội, 1940.
12. Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin. *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1937*, Résidence Supérieure Au Tonkin, Hà Nội, 1938.
13. Lược thuật bài diễn thuyết của quan Thống sứ Bắc Kỳ Pagès tại Hội đồng Dân biểu Bắc Kỳ ngày 9/11/1932, *Nam Phong*, 178, **1932**, tr. 532-543.